TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/DS-PT
Ngày: 28-12-2018
"V/v Tranh chấp nợ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Hưng Bính

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Thanh và bà Nguyễn Thị Kim Trọng.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Liên Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên, số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 20/2018/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2018 về việc tranh chấp nợ. Do có kháng cáo của bị đơn là bà Phan Thị L Q đối với bản án sơ thẩm số 17/2018/DSST ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị N Tr, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn TĐ, xã BĐ, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế, Có văn bản ủy quyền cho ông Đặng Ng K ngày 12/11/2018.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị N Tr và ông Nguyễn VL: Ông Đặng Ng K, địa chỉ: 47 VTS, phường PhH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Văn bản ủy quyền ngày 12/11/2018, có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Phan Thị L Q, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn BL, xã BĐ, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đã có văn bản xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/12/2018.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn VL (chồng bà Tr).

Địa chỉ: Thôn TĐ, xã BĐ, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có văn bản ủy quyền cho ông Đặng Ng K ngày 12/11/2018.

Ông Phạm V A; Nơi ĐKHKTT: Thôn BL, xã BĐ, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chỗ ở: Phố 5, Ấp 5, xã PV, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai. Có văn bản ủy quyền cho bà Phan Thị L Q ngày 01/8/2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào năm 2014 bà Phan Thị N Tr có cho bà Phan Thị L Q mượn số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); Vào năm 2015 bà Tr tiếp tục cho bà Q mượn số tiền 20.000.000 đồng. Những lần cho mượn thì đều có ghi rõ số tiền mượn. Tổng cộng bà Q đã mượn của bà Tr là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng); Đầu năm 2015 bà Q đã có chơi hụi tại bà Tr và bốc hụi số tiền là 18.000.000 đồng nhưng bà Q chưa góp được gì trong số tiền chơi hụi này. Tổng cộng số tiền bà Q còn nợ của bà Tr là 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng). Bà Tr đã nhiều lần yêu cầu bà Q trả nợ nhưng bà Q vẫn không trả.

Tại bản án 17/2018/DSST ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà đã quyết định:

Áp dụng Điều 463, 464, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phan Thị N Tr. Buộc vợ chồng bà Phan Thị L Q, ông Phạm V A phải liên đới trả cho vợ chồng Bà Phan Thị N Tr, ông Nguyễn VL số tiền nợ gốc là 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng).

2. Về án phí:

- Buộc vợ chồng bà Phan Thị L Q và ông Phạm V A phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là: 2.900.000 đồng (Hai triệu chín trăm nghìn đồng).

- Bà Phan Thị N Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Tr số tiền 1.450.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 009835 ngày 24/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo bản án cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/9/2018, bà Phan Thị L Q, bị đơn trong vụ án có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án cho bà Q được trả dần số tiền nợ 58.000.000đồng cho Bà Phan Thị N Tr cho đến khi hết nợ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Quá trình tố tụng và tại phiên toà, các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; không có vấn đề gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX phúc thẩm bác đơn kháng cáo của bà Phan Thị L Q, tuyên buộc bà Phan Thị L Q và ông Phạm V A phải liên đới trả cho Bà Phan Thị N Tr, ông Nguyễn VL số tiền nợ là 58.000.000 đồng .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của các đương sự; kết quả tranh luận; ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: - Bị đơn là bà Phan Thị L Q có đơn kháng cáo trong thời hạn luật

định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ.

- Tại phiên tòa hôm nay bà Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Q theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện và bị đơn không rút kháng cáo, các bên đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Phan Thị L Q, thấy rằng:

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Phan Thị L Q thừa nhận số tiền còn nợ Bà Phan Thị N Tr là 58.000.000đồng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng do làm ăn thua lỗ và bản thân bị đơn còn mắc nợ nhiều người nên không có đủ tiền để thanh toán nợ một lần mà xin trả dần. Tại phiên tòa, người đại diên theo ủy quyền của bà Tr không chấp nhận yêu cầu được trả dần số tiền nợ trên. Do đó, Hội đồng xét xử xét không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Q mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa là có căn cứ.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ngày 15/9/2018 bà Phan Thị L Q có Đơn xin miễn giảm án phí và có xác nhận của chính quyền địa phương về việc bà đang cư trú tại địa phương. Tuy nhiên, bà Q không bổ sung được các tài liệu chứng cứ chứng minh bà thuộc diện được miễn, giảm án phí theo quy định tại điều 12 và điều 13 Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì vậy, HĐXX phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận đơn xin miễn giảm án phí của bà Q mà cần buộc vợ chồng bà Phan Thị L Q và ông Phạm V A phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là: 2.900.000 đồng (Sáu triệu đồng chẵn).

- Bà Phan Thị N Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Tr số tiền 1.450.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 009835 ngày 24/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[4] Án phí phúc thẩm: Bà Phan Thị L Q phải chịu án phí 300.000 đồng.

[5] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị L Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 463, 464, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N Tr. Buộc vợ chồng bà Phan Thị L Q, ông Phạm V A phải liên đới trả cho vợ chồng Bà Phan Thị N Tr, ông Nguyễn VL số tiền nợ gốc là 58.000.000đồng (Năm mươi tám triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nói trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2..Án phí sơ thẩm

Buộc vợ chồng bà Phan Thị L Q và ông Phạm V A phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là: 2.900.000 đồng (Sáu triệu đồng chẵn).

Bà Phan Thị N Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Tr số tiền 1.450.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 009835 ngày 24/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Án phí phúc thẩm: Bà Phan Thị L Q phải chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Q đã nộp theo biên lai thu tiền số 009859 ngày 08/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh TT Huế;*
- *TAND thị xã Hương Trà;*
- *Chi cục THADS thị xã Hương Trà;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, Tòa DS;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Hưng Bính